TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/DS-ST.
Ngày 19-9-2017.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Lãm;

2. Bà Lê Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXX-ST ngày 02-8-2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962;

Địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp TT, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1987; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Quốc Q, sinh năm 1979; vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp TT, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2017 và đơn sửa chữa đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2017 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – ông Đ trình bày:

Từ ngày 10-9-2012 đến ngày 30-4-2014, ông có bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho chị T và anh Q. Hình thức thanh toán theo vụ thu hoạch (03

tháng/01 vụ), nhận hàng trước, khi lên vụ thu hoạch thì thanh toán tiền, có thỏa thuận tính lãi suất 2%/ tháng. Tính đến ngày 30-4-2014, chị T và anh Q thiếu ông 46.785.000 đồng nợ gốc. Ngày 01-5-2014, ông viết giấy nhận nợ, chị T ký tên thừa nhận tại thời điểm ngày 01-5-2014 chị T và anh Q thiếu ông 46.785.000 đồng nợ gốc, thỏa thuận tính lãi suất 3%/ tháng, hẹn 30 ngày trả nợ gốc và lãi suất nhưng đến ngày 01-5-2015 chị T cho là không có tiền để trả nên chị T hẹn đến tháng 4 năm 2016 trả hết nợ. Tháng 4 năm 2016, chị T có trả cho ông 1.000.000 đồng nợ gốc, còn thiếu lại 45.785.000 đồng nợ gốc, chưa trả lãi suất.

Nay ông khởi kiện yêu cầu chị T và anh Q có nghĩa vụ trả cho trả cho ông 46.785.000 đồng nợ gốc và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01-5-2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 1.000.000 đồng nợ gốc.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị T thể hiện:

Chị đồng ý với lời trình bày của ông Đ về hợp đồng mua bán tài sản giữa chị và anh Q với ông Đ. Hiện nay chị và anh Q còn thiếu ông Đ 45.785.000 đồng nợ gốc.

Chị đồng ý cùng anh Q trả cho ông Đ 45.785.000 đồng nợ gốc và trả tiền lãi 9%/ năm từ ngày 01-5-2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Từ khi thụ lý, Tòa án tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập và niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Q không tham gia tố tụng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của họ, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng anh Q vắng mặt không lý do trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm tại Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án phải kéo dài.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 428, 438 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với chị T và anh Q.

Buộc chị T và anh Q cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ số tiền 45.785.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đ về số tiền 1.000.000 đồng nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị T vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Q vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Q.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Đ đòi chị T và anh Q trả cho ông Đ 45.785.000 đồng nợ gốc tiền mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01-5-2014 đến ngày xét xử sơ thẩm, xét thấy:

Chị T thừa nhận có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông Đ để sản xuất lúa, đồ hàng bông trong thời gian từ ngày 10-9-2012 đến ngày 30-4-2014 với hình thức thanh toán theo vụ thu hoạch (03 tháng/01 vụ), nhận hàng trước, khi lên vụ thu hoạch thì thanh toán tiền, có thỏa thuận tính lãi suất 2%/ tháng.

Ông Đ có chứng cứ chứng minh là bản gốc giấy nhận nợ lập ngày 01-5-2014 do ông Đ viết và chị T ký tên thừa nhận còn nợ ông Đ số tiền 46.785.000 đồng. Tháng 4 năm 2016, chị T có trả cho ông Đ 1.000.000 đồng nợ gốc, còn thiếu lại 45.785.000 đồng nợ gốc. Nay ông Đ yêu cầu chị T và anh Q trả cho ông Đ số tiền 45.785.000 đồng nợ gốc và trả tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01-5-2014 đến ngày xét xử sơ thẩm, chị T đồng ý.

Hiện tại, chị T và anh Q đã ly hôn theo bản án số: 25/2016/HNGĐ-ST ngày 10-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Thời điểm ly hôn chị T và anh Q trình bày tại Tòa không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên nay phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân dùng vào mục đích sản xuất phục vụ kinh tế gia đình nên có căn cứ xác định đây là nợ chung của anh Q và chị T. Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị T và anh Q có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ số tiền 45.785.000 đồng nợ gốc.

Xét yêu cầu của ông Đ đòi chị T và anh Q trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố từ ngày 01-5-2014 đến ngày xét xử sơ thẩm thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Vì vậy, yêu cầu của ông Đ có cơ sở để chấp nhận, tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản 9%/ năm, ngày áp dụng 01-12-2010.

Từ ngày 01-5-2014 đến ngày 19-9-2017 là 03 năm 04 tháng 18 ngày:

45.785.000 đồng x 9%/ năm x 03 năm 04 tháng 18 ngày = 13.941.532 đồng.

Từ những phân tích nêu trên có căn cứ buộc chị T và anh Q mỗi người có nghĩa vụ trả 1/2 số nợ cho ông Đ, số tiền được tính như sau:

(45.785.000 đồng + 13.941.532 đồng): 2 = 29.863.266 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đ về số tiền 1.000.000 đồng nợ gốc.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[4] Như phân tích trên, đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 428, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ về "Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản" đối với chị Đỗ Thị T và anh Trần Quốc Q.

2.1. Buộc chị T có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 29.863.266 (hai mươi chín triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm sáu) đồng.

2.2. Buộc anh Q có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 29.863.266 (hai mươi chín triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm sáu) đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đ về số tiền 1.000.000 đồng nợ gốc.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị T phải chịu 1.493.163 (một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm sáu mươi ba) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Q phải chịu 1.493.163 (một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm sáu mươi ba) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Đ 1.170.000 (một triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008761 ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Nghện